

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY
ĐIỆN NÀ LỢI**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2011	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2011	13 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Lội tiền thân là Nhà máy thủy điện Nà Lội được thành lập theo Quyết định số 32/TCT-VPTH ngày 10 tháng 01 năm 2002 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Sông Đà (nay là Tập đoàn Sông Đà) và chuyển thành Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Lội theo Quyết định số 1023/QĐ-BXD ngày 29 tháng 07 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 2303000003 ngày 25 tháng 8 năm 2003. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 04 lần được cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

<u>Cổ đông</u>	<u>Vốn góp (USD)</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>
Tập đoàn Sông Đà	25.500.000.000	51%
Các cổ đông khác	24.500.000.000	49%
Cộng	50.000.000.000	100%

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Xã Thanh Minh - Thành phố Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên
Điện thoại : 023 381 0932
Fax : 023 381 0334
Mã số thuế : 5 6 0 0 1 7 0 4 5 0

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất điện thương phẩm; Thí nghiệm hiệu chỉnh hệ thống điện; sửa chữa thiết bị điện và gia công cơ khí; Hướng dẫn, đào tạo công nhân vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ; Thi công lắp đặt hệ thống điện, nước, thông tin; Thi công xây lắp đường dây và trạm biến áp đến cấp điện áp 110KV; Đầu tư, xây dựng nhà máy thủy điện vừa và nhỏ; Nhận ủy thác đầu tư của các tổ chức và cá nhân.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 6 đến trang 29).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị, ban kiểm soát, Ban Giám đốc

Hội đồng quản trị, ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Bạch Dương	Chủ tịch	25 tháng 4 năm 2007
Ông Nguyễn Văn Minh	Ủy viên	29 tháng 6 năm 2004
Ông Lê Văn Tuấn	Ủy viên	06 tháng 7 năm 2005
Ông Lý Quang Thái	Ủy viên	26 tháng 4 năm 2009
Ông Phạm Đức Tiêm	Ủy viên	28 tháng 4 năm 2011

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Văn Ngu	Trưởng ban	28 tháng 4 năm 2011
Ông Dương Văn Đông	Thành viên	24 tháng 4 năm 2011

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Minh	Giám đốc	01 tháng 08 năm 2003
Ông Phạm Đức Tiêm	Phó Giám đốc	01 tháng 08 năm 2003
Ông Nguyễn Trung Kiên	Phó Giám đốc	01 tháng 06 năm 2011

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LỢI
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài Chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Lội tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài

Thay mặt Ban Giám đốc
Giám đốc

Nguyễn Văn Minh

Ngày 10 tháng 02 năm 2012

Số: 11/2012/BCTC-KTTV-KT1

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LỢI**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LỢI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Lợi gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 10 tháng 2 năm 2012, từ trang 06 đến trang 29 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính sau khi đã điều chỉnh theo ý kiến của kiểm toán viên đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Lợi tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)

Chi nhánh Hà Nội

Giám đốc

Kiểm toán viên

Nguyễn Hoàng Đức

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0368/KTV

Hoàng Thị Việt

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0374/KTV

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LỢI

Địa chỉ: Xã Thanh Minh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		13,263,893,550	6,175,243,694
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	8,935,274,081	192,374,348
1. Tiền	111		590,984,390	192,374,348
2. Các khoản tương đương tiền	112		8,344,289,691	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,841,731,937	3,341,765,259
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	1,671,909,237	3,114,612,360
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	456,500,000	372,750,000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	-	59,172,399
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(286,677,300)	(204,769,500)
IV. Hàng tồn kho	140		1,684,115,325	1,541,282,952
1. Hàng tồn kho	141	V.6	1,684,115,325	1,541,282,952
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		802,772,207	1,099,821,135
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	147,026,816	234,564,078
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.8	92,912,561	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	562,832,830	865,257,057

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LỢI

Địa chỉ: Xã Thanh Minh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		98,285,987,371	107,613,492,181
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		78,049,880,862	86,276,972,252
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	77,901,201,847	86,145,331,733
<i>Nguyên giá</i>	222		148,619,139,538	148,021,539,307
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(70,717,937,691)	(61,876,207,574)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	148,679,015	131,640,519
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		20,236,106,509	21,336,519,929
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	20,236,106,509	21,336,519,929
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		111,549,880,921	113,788,735,875

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LỢI

Địa chỉ: Xã Thanh Minh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		6,099,241,328	10,148,981,862
I. Nợ ngắn hạn	310		2,492,716,032	5,952,764,676
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	-	-
2. Phải trả người bán	312	V.14	204,140,000	436,700,000
3. Người mua trả tiền trước	313	V.15	740,000,000	740,000,000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	331,550,004	3,252,078,074
5. Phải trả người lao động	315		908,771,831	832,705,909
6. Chi phí phải trả	316	V.17	23,265,816	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	111,187,720	203,218,451
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.19	173,800,661	488,062,242
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		3,606,525,296	4,196,217,186
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	3,441,306,300	4,074,639,700
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.21	165,218,996	121,577,486
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		105,450,639,593	103,639,754,013
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	105,450,639,593	103,639,754,013
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50,000,000,000	50,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		23,858,500,925	23,285,021,039
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		5,000,000,000	4,571,762,249
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		26,592,138,668	25,782,970,725
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		111,549,880,921	113,788,735,875

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LỢI

Địa chỉ: Xã Thanh Minh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	V.23	23,380,278	23,380,278
5. Ngoại tệ các loại:			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập ngày 10 tháng 02 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trần Thế Tuyên

Bùi Xuân Tuấn

Nguyễn Văn Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LỢI

Địa chỉ: Xã Thanh Minh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	39,576,596,399	38,379,689,953
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		39,576,596,399	38,379,689,953
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	21,552,621,648	18,434,751,825
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18,023,974,751	19,944,938,128
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	557,446,151	589,154,803
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	496,449,168	1,964,752,943
Trong đó: chi phí lãi vay	23		81,489,568	797,864,968
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	5,144,648,406	5,594,685,172
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12,940,323,328	12,974,654,816
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	84,263,329
13. Lợi nhuận khác	40		-	(84,263,329)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12,940,323,328	12,890,391,487
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		661,557,663	1,420,793,765
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>12,278,765,665</u>	<u>11,469,597,722</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	<u>2,456</u>	<u>2,294</u>

Lập ngày 10 tháng 02 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trần Thế Tuyên

Bùi Xuân Tuấn

Nguyễn Văn Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LỢI

Địa chỉ: Thanh Minh, nh ph Đi n Biên , nh Đi n Biên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	12,940,323,328	12,890,391,487
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	8,841,730,117	8,764,082,806
- Các khoản dự phòng	03	81,907,800	204,769,500
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	313,266,600	213,287,975
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(545,926,401)	(32,402,777)
- Chi phí lãi vay	06	81,489,568	797,864,968
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	21,712,791,012	22,837,993,959
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	1,627,637,188	(1,226,063,655)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(142,832,373)	(474,724,037)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(1,986,969,032)	1,342,237,439
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1,187,950,682	1,287,423,399
- Tiền lãi vay đã trả	13	(58,223,752)	(797,864,968)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1,800,000,000)	(4,000,000,000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(782,141,666)	(1,034,906,555)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	19,758,212,059	17,934,095,582
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(614,638,727)	(1,125,912,504)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	545,926,401	32,402,777
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(68,712,326)	(1,093,509,727)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LỢI

Địa chỉ: Thanh Minh, nh ph Đi n Biên , nh Đi n Biên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		967,509,377	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1,914,109,377)	(14,776,400,000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10,000,000,000)	(5,000,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10,946,600,000)	(19,776,400,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		8,742,899,733	(2,935,814,145)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	192,374,348	3,128,188,493
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	8,935,274,081	192,374,348

Lập ngày 10 tháng 02 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trần Thế Tuyên

i Xuân Tu n

Nguy n Văn Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LOI

Địa chỉ: Xã Thanh Minh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất
- 3. Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm
- 4. Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty có 56 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 55 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
- 3. Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LỢI

Địa chỉ: Xã Thanh Minh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LỢI

Địa chỉ: Xã Thanh Minh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

7. Chi phí trả trước dài hạn

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 15 tháng 07 năm 2003 của Tổng Công ty Sông Đà. Lợi thế thương mại được phân bổ trong 20 năm.

8. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

9. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu và được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

10. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

11. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

13. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010 : 18.932 VND/USD

31/12/2011 : 20.828 VND/USD

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LỢI

Địa chỉ: Xã Thanh Minh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán điện thương phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

16. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phụ hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LỢI

Địa chỉ: Xã Thanh Minh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

17. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LOI

Địa chỉ: Xã Thanh Minh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	452.916.040	173.989.765
Tiền gửi ngân hàng	138.068.350	18.384.583
Các khoản tương đương tiền	8.344.289.691	-
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	8.344.289.691	-
Cộng	<u>8.935.274.081</u>	<u>192.374.348</u>

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	1.162.081.837	2.705.073.360
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc	409.539.000	409.539.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 11 - Nhà máy Thủy điện Thác Trắng	100.288.400	-
Cộng	<u>1.671.909.237</u>	<u>3.114.612.360</u>

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây lắp Hà Nội	-	30.000.000
Doanh nghiệp tư nhân Sơn Tươi	-	312.500.000
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn – CN Hà Nội	30.000.000	30.250.000
Công ty TNHH Minh Thành	100.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	100.000.000	-
Công ty Cổ phần Global ANT	226.500.000	-
Cộng	<u>456.500.000</u>	<u>372.750.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LOI

Địa chỉ: Xã Thanh Minh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập cá nhân phải thu cán bộ công nhân viên	-	50.529.499
Phải thu khác	-	8.642.900
Cộng	-	59.172.399

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	286.677.300	204.769.500
- <i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm</i>	-	204.769.500
- <i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm</i>	286.677.300	-
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	-	-
Cộng	286.677.300	204.769.500

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	710.838.116	740.544.065
Công cụ, dụng cụ	11.679.042	57.720.264
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	961.598.167	743.018.623
Cộng	1.684.115.325	1.541.282.952

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thí nghiệm định kỳ	147.026.816	138.231.442
Chi phí làm đường vào Nhà máy	-	71.758.636
Chi phí công cụ, dụng cụ	-	24.574.000
Cộng	147.026.816	234.564.078

8. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Là thuế giá trị gia tăng nộp thừa.

9. Tài sản ngắn hạn khác

Là khoản tạm ứng cho cán bộ công nhân viên.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LƠI

Địa chỉ: Xã Thanh Minh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	101.163.492.286	45.053.644.236	1.531.420.130	272.982.655	148.021.539.307
Tăng do mua sắm mới	-	-	-	16.761.727	16.761.727
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	580.838.504	-	-	-	580.838.504
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	101.744.330.790	45.053.644.236	1.531.420.130	289.744.382	148.619.139.538
<i>Trong đó:</i>					
Đã KH hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	371.798.424	-	272.982.655	644.781.079
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	30.556.209.534	30.612.885.591	443.502.135	263.610.314	61.876.207.574
Khấu hao trong năm	4.177.075.863	4.497.949.469	153.142.008	13.562.777	8.841.730.117
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	34.733.285.397	35.110.835.060	596.644.143	277.173.091	70.717.937.691
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	70.607.282.752	14.440.758.645	1.087.917.995	9.372.341	86.145.331.733
Số cuối năm	67.011.045.393	9.942.809.176	934.775.987	12.571.291	77.901.201.847

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 145.816.570.820 đồng và 76.245.240.089 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển tỉnh Điện Biên.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	Số cuối năm
XDCB dở dang	131.640.519	888.218.280	580.838.504	290.341.280	148.679.015
- Công trình Thủy điện Nậm Khẩu Hu	20.412.538	5.000.000	-	-	25.412.538
- Công trình Thủy điện Lê Bầu	66.944.341	5.640.000	-	-	72.584.341
- Nhà ở cho cán bộ công nhân viên	44.283.640	536.554.864	580.838.504	-	-
- Công trình nhà vệ sinh khu sản xuất	-	50.682.136	-	-	50.682.136
- Công trình khắc phục sự cố sạt lở đất ở trạm biến áp	-	290.341.280	-	290.341.280	-
Cộng	131.640.519	888.218.280	580.838.504	290.341.280	148.679.015

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LỢI

Địa chỉ: Xã Thanh Minh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Phân bổ vào chi phí trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Lợi thế thương mại	20.961.575.485	-	1.654.860.000	19.306.715.485
Chi phí sửa chữa giàn làm mát không khí	374.944.444	-	132.333.336	242.611.108
Chi phí chế tạo van giảm áp, nước làm mát máy phát.	-	149.090.909	18.636.363	130.454.546
Chi phí chế tạo bánh răng vô tận	-	133.800.000	16.725.000	117.075.000
Chi phí trần gỗ dùng cho sản xuất	-	198.545.452	49.636.362	148.909.090
Chi phí xử lý sự cố sạt lở trạm biến áp	-	290.341.280	-	290.341.280
Cộng	<u>21.336.519.929</u>	<u>771.777.641</u>	<u>1.872.191.061</u>	<u>20.236.106.509</u>

13. Vay và nợ ngắn hạn

Là khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Điện Biên

	<u>Năm nay</u>
Số đầu năm	-
Số tiền vay phát sinh	967.509.377
Số tiền vay đã trả	(967.509.377)
Số cuối năm	-

14. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Viện nghiên cứu cơ khí	151.340.000	436.700.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	52.800.000	-
Cộng	<u>204.140.000</u>	<u>436.700.000</u>

15. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Người mua trả tiền trước	740.000.000	740.000.000
<i>Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Đức Thành - Chi nhánh Pa Khoang</i>	<i>540.000.000</i>	<i>540.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Khốt</i>	<i>200.000.000</i>	<i>200.000.000</i>
Cộng	<u>740.000.000</u>	<u>740.000.000</u>

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.421.887.005	3.355.200.434	4.870.000.000	(92.912.561)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.282.280.014	661.557.663	1.800.000.000	143.837.677
Thuế thu nhập cá nhân	135.072.541	478.176.139	500.000.000	113.248.680
Thuế tài nguyên	412.838.514	1.117.463.647	1.455.838.514	74.463.647
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	<u>3.252.078.074</u>	<u>5.615.397.883</u>	<u>8.628.838.514</u>	<u>238.637.443</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LOI

Địa chỉ: Xã Thanh Minh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.8).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Lôi là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19/06/2002 của Chính phủ. Đồng thời Công ty được hưởng ưu đãi do là Cơ sở kinh doanh mới được thành lập từ dự án đầu tư thực hiện tại địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo thông tư 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007. Theo đó Công ty được hưởng Thuế thu nhập doanh nghiệp chi tiết như sau:

- Được hưởng thuế suất ưu đãi là 10%, áp dụng trong thời gian 15 năm (từ năm 2004 đến năm 2018).
- Được miễn thuế 03 năm (năm 2004 đến năm 2006) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2007 đến năm 2015).

Năm tài chính 2011 là năm thứ năm Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.940.323.328	12.890.391.487
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	46.842.000	84.263.329
+) Chi phí không được trừ	46.842.000	84.263.329
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	12.987.165.328	12.974.654.816
- Thu nhập chịu thuế hoạt động kinh doanh	12.926.168.345	12.462.184.508
+) Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp	10%	10%
+) Thuế TNDN của hoạt động kinh doanh	1.292.616.835	1.246.218.451
+) Thuế TNDN được giảm (50%) từ ưu đãi đầu tư	(646.308.418)	(623.109.226)
- Thu nhập chịu thuế hoạt động tài chính	60.996.983	-
+) Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	-
+) Thuế TNDN phải nộp của hoạt động tài chính	15.249.246	-
- Thu nhập khác	-	512.470.308
+) Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	-	25%
+) Thuế TNDN phải nộp của hoạt động khác	-	128.117.577
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	661.557.663	751.226.802
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	669.566.963
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	661.557.663	1.420.793.765

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LỢI

Địa chỉ: Xã Thanh Minh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước thiên nhiên dùng sản xuất thủy điện với mức 2% trên giá tính thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

17. Chi phí phải trả

Là khoản chi phí lãi vay phải trả.

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	73.976.879	107.596.879
Phải trả phải nộp khác	37.210.841	95.621.572
Cộng	<u>111.187.720</u>	<u>203.218.451</u>

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	212.722.177	233.940.085	(436.821.666)	9.840.596
Quỹ phúc lợi	275.340.065	233.940.000	(345.320.000)	163.960.065
Cộng	<u>488.062.242</u>	<u>467.880.085</u>	<u>(782.141.666)</u>	<u>173.800.661</u>

20. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	<u>3.441.306.300</u>	<u>4.074.639.700</u>
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Điện Biên</i>	3.441.306.300	4.074.639.700
Cộng	<u>3.441.306.300</u>	<u>4.074.639.700</u>

Hợp đồng tín dụng số 01/2001/HĐ ngày 29/06/2001 vay ngoại tệ, vay để đầu tư dự án: Nhà máy thủy điện Nà Lơi, thời hạn vay 12 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ tài sản của Nhà máy thủy điện Nà Lơi được đầu tư bằng vốn vay.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống		
Trên 1 năm đến 5 năm	3.441.306.300	4.074.639.700
Trên 5 năm		
Tổng nợ	<u>3.441.306.300</u>	<u>4.074.639.700</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LỢI

Địa chỉ: Xã Thanh Minh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Điện Biên. như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	4.074.639.700	18.637.751.725
Số tiền vay phát sinh	-	-
Tăng do chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư vay	313.266.600	213.287.975
Số tiền vay đã trả	(946.600.000)	(14.776.400.000)
Số cuối năm	<u>3.441.306.300</u>	<u>4.074.639.700</u>

21. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	121.577.486	100.156.369
Số trích lập bổ sung	43.641.510	36.921.117
Số đã chi	-	(15.500.000)
Số cuối năm	<u>165.218.996</u>	<u>121.577.486</u>

22. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Quỹ dự phòng tài chính</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm trước	50.000.000.000	15.354.822.648	3.250.062.517	29.622.630.911	98.227.516.076
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	11.469.597.722	11.469.597.722
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	7.930.198.391	1.321.699.732	(9.251.898.123)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.057.359.785)	(1.057.359.785)
Tạm ứng cổ tức năm trước	-	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Số dư cuối năm trước	<u>50.000.000.000</u>	<u>23.285.021.039</u>	<u>4.571.762.249</u>	<u>25.782.970.725</u>	<u>103.639.754.013</u>
Số dư đầu năm nay	50.000.000.000	23.285.021.039	4.571.762.249	25.782.970.725	103.639.754.013
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	12.278.765.665	12.278.765.665
Trích lập các quỹ trong năm	-	573.479.886	428.237.751	(1.001.717.637)	-
Chia cổ tức năm nay	-	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(467.880.085)	(467.880.085)
Số dư cuối năm nay	<u>50.000.000.000</u>	<u>23.858.500.925</u>	<u>5.000.000.000</u>	<u>26.592.138.668</u>	<u>105.450.639.593</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LỢI

Địa chỉ: Xã Thanh Minh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trả cổ tức năm trước	10.000.000.000	-
Tạm ứng cổ tức	-	5.000.000.000
Cộng	<u>10.000.000.000</u>	<u>5.000.000.000</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	5.000.000	5.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.000.000	5.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.000.000	5.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập các quỹ

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu.
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....

23. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	23.380.278	23.380.278
Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
Số cuối năm	<u>23.380.278</u>	<u>23.380.278</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	39.576.596.399	38.379.689.953
- Doanh thu bán điện thương phẩm	39.485.425.126	37.974.816.253
- Doanh thu cung cấp dịch vụ đào tạo	-	404.873.700
- Doanh thu cho thuê đường dây truyền tải điện	91.171.273	-
Các khoản giảm trừ doanh thu:	-	-
Doanh thu thuần	<u>39.576.596.399</u>	<u>38.379.689.953</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LỢI

Địa chỉ: Xã Thanh Minh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn điện thương phẩm	21.552.621.648	18.064.225.825
Giá vốn dịch vụ đào tạo	-	370.526.000
Cộng	<u>21.552.621.648</u>	<u>18.434.751.825</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	13.164.488	14.000.000
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	11.519.750	44.281.718
Lãi tiền cho vay	532.761.913	18.402.777
Thu từ hỗ trợ lãi suất sau đầu tư	-	512.470.308
Cộng	<u>557.446.151</u>	<u>589.154.803</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	81.489.568	797.864.968
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	313.266.600	213.287.975
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	94.100.000	623.600.000
Chi phí tài chính khác	7.593.000	-
Phí cam kết cấp tín dụng hỗ trợ nguồn vốn đầu tư	-	330.000.000
Cộng	<u>496.449.168</u>	<u>1.964.752.943</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	2.160.658.888	1.585.074.681
Chi phí vật liệu quản lý	310.141.032	271.672.758
Chi phí đồ dùng văn phòng	76.656.718	292.610.153
Chi phí khấu hao TSCĐ	279.996.569	231.600.339
Thuế, phí và lệ phí	24.936.250	31.116.552
Chi phí dự phòng	81.907.800	204.769.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	373.705.831	394.563.303
Chi phí bằng tiền khác	1.836.645.318	2.583.277.886
Cộng	<u>5.144.648.406</u>	<u>5.594.685.172</u>

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.278.765.665	11.469.597.722
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.278.765.665	11.469.597.722
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>2.456</u>	<u>2.294</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LOI

Địa chỉ: Xã Thanh Minh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	5.000.000	5.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>5.000.000</u>	<u>5.000.000</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Theo yêu cầu của Thông tư này Công ty cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh từ VII.4 đến VII.5 dưới đây.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty do Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	609.761.035	489.569.927
Phụ cấp	3.780.000	24.000.000
Tiền thưởng	13.233.333	72.000.000
Cộng	<u>626.774.368</u>	<u>585.569.927</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Sông Đà	Công ty mẹ
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	Công ty con trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	Công ty Con trong cùng tập đoàn

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty Sông Đà		
Cổ tức đã trả	5.100.000.000	2.550.000.000
Cho vay vốn lưu động	6.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LỢI

Địa chỉ: Xã Thanh Minh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền cho vay	343.123.024	-
Công ty tài chính Cổ phần Sông Đà		
Cho vay ủy thác quản lý vốn	10.500.000.000	-
Lãi tiền cho vay	189.638.889	-
Thu hồi cho vay ủy thác	(10.500.000.000)	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà		
Tạm ứng phí tư vấn dự án	100.000.000	-
Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tập đoàn Sông Đà		
Tiền cho vay vốn lưu động	6.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà		
Tiền ứng trước phí tư vấn dự án	100.000.000	-
Cộng nợ phải thu	<u>6.100.000.000</u>	<u>-</u>

3. Thông tin về bộ phận

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Lợi là sản xuất điện thương phẩm. Báo cáo kết quả kinh doanh đã thể hiện rõ doanh thu, chi phí và lợi nhuận của hoạt động này nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên khu vực phía bắc.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	<u>Giá trị sổ sách</u>		<u>Giá trị hợp lý</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.935.274.081	192.374.348	8.935.274.081	192.374.348
Phải thu khách hàng	1.671.909.237	3.114.612.360	1.385.231.937	2.909.842.860
Các khoản phải thu khác	-	59.172.399	-	59.172.399
Cộng	<u>18.664.795.709</u>	<u>3.161.389.607</u>	<u>18.664.795.709</u>	<u>3.161.389.607</u>
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	204.140.000	436.700.000	204.140.000	436.700.000
Vay và nợ	3.441.306.300	4.074.639.700	3.441.306.300	4.074.639.700
Chi phí phải trả	23.265.816	-	23.265.816	-
Các khoản phải trả khác	37.210.841	95.621.572	37.210.841	95.621.572
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	165.218.996	121.577.486	165.218.996	121.577.486
Cộng	<u>3.871.141.953</u>	<u>4.728.538.758</u>	<u>3.871.141.953</u>	<u>4.728.538.758</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LỢI

Địa chỉ: Xã Thanh Minh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị hợp lý tài sản tài chính và công nợ tài chính tương đương giá trị sổ sách do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

5. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.10). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

<u>Tài sản thế chấp</u>	<u>Giá trị sổ sách</u>	<u>Điều khoản và điều kiện thế chấp</u>
Số cuối năm		
Nhà cơ quan công ty.	428.594.366	Việc thế chấp tài sản kết thúc khi Công ty
Khu nhà ở công nhân vận hành	522.704.481	hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân
Đập tràn công xả cát, đập dâng bờ phải	9.702.524.344	hàng
Đập tràn công xả cát, đập dâng bờ trái	3.858.177.418	
Đường hầm dẫn ngang	33.143.763.233	
Đường hầm đứng	3.131.617.974	
Hố móng cửa ra và tháp điều áp	3.012.452.878	
Trạm phân phối điện ngoài trời (OPY)	379.648.995	
Đường vận hành	372.142.446	
Đường dây và trạm ngoài công trình	1.763.398.557	
Nhà máy kênh dẫn ra	9.927.728.105	
Thiết bị cơ khí thủy lực +thiết bị điện	9.523.733.572	
Thiết bị cơ khí thủy công	394.757.420	
Xe ô tô Ford escape 29T-0709	83.996.300	
Cộng	<u>76.245.240.089</u>	

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Lập ngày, ngày 10 tháng 02 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trần Thế Tuyên

Bùi Xuân Tuấn

Nguyễn Văn Minh